UBND XÃ NGHĨA GIANG **HỘI ĐỒNG THẨM ĐỊNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 11 /BC-HĐTĐ	*Nghĩa Giang, ngày 21 tháng 10 năm 2026*

BÁO CÁO THẨM ĐỊNH

Dự án hỗ trợ phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị chăn nuôi bò cái giống lai Zebu sinh sản. Dự án 2. Đa dạng hoá sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững (Nguồn vốn năm trước chuyển sang).

I. CƠ SỞ PHÁP LÝ

1. Nghị quyết 111/2024/QH15 ngày 18/01/2024 về một số cơ chế, chính sách đặc thù thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia;

2. Nghị quyết số 257/2025/QH15 ngày 11/12/2025 của Quốc hội về phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026 - 2035;

3. Nghị định số 125/2025/NĐ-CP ngày 11/6/2025 của Chính phủ Quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Tài chính;

4. Nghị định số 131/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ Quy định về Quy định phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Nông Nghiệp và Môi trường;

5. Nghị định số 358/2025/NĐ-CP ngày 31/12/2025 của Chính phủ Quy định về quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia;

6. Thông tư số 60/2026/TT-BTC ngày 31/5/2026 của Bộ Tài chính hướng dẫn quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí chi thường xuyên ngân sách nhà nước thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026-2035, giai đoạn 1: từ năm 2026 đến năm 2030;

7. Thông tư số 13/2025/TT-BNNMT ngày 19/6/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường Quy định phân định thẩm quyền quản lý nhà nước trong lĩnh vực kinh tế hợp tác và phát triển nông thôn và lĩnh vực giảm nghèo;

8. Quyết định số 248/QĐ-UBND ngày 24/3/2022 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc phê duyệt danh mục các ngành hàng, sản phẩm quan trọng cần khuyến khích và ưu tiên hỗ trợ thực hiện liên kết gắn sản xuất với tiêu thụ sản phẩm trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi;

9. Nghị quyết số 26/2022/NQ-HĐND ngày 11/11/2022 của HĐND tỉnh Quảng Ngãi quy định một số nội dung, mức chi hỗ trợ kinh phí sự nghiệp thực hiện các Chương trình MTQG trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2021-2025;

10. Nghị quyết số 27/2022/NQ-HĐND ngày 11/11/2022 của HĐND tỉnh

Quảng Ngãi về việc Quy định nội dung hỗ trợ, mẫu hồ sơ, trình tự, thủ tục lựa chọn dự án, kế hoạch, phương án sản xuất, lựa chọn đơn vị được hàng trong thực hiện các hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi; Nghị quyết số 19/2023/NQ-HĐND ngày 21/7/2023 của HĐND tỉnh Quảng Ngãi sửa đổi, bổ sung một số Điều của Nghị quyết số 27/2022/NQ-HĐND ngày 11/11/2022 của HĐND tỉnh Quảng Ngãi;

11. Nghị quyết số 02/2026/NQ-HĐND ngày 06/02/2026 của HĐND tỉnh Quảng Ngãi về việc Tiếp tục áp dụng một số Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành quy định trong quản lý và tổ chức thực hiện 03 Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021 - 2025 đến hết thời gian thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021 - 2025 *(bao gồm thời gian được kéo dài theo quy định tại các nghị quyết của Quốc hội);*

12. Quyết định số 480/QĐ-UBND ngày 09/02/2026 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành và phê duyệt Quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính trong lĩnh vực quản lý các Chương trình mục tiêu quốc gia của Sở Nông nghiệp và Môi trường và Ủy ban nhân dân cấp xã, phường, đặc khu trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi;

13. Quyết định số 104/QĐ-UBND ngày 09/3/2026 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi Về việc tiếp tục áp dụng một số Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành quy định trong quản lý và tổ chức thực hiện 03 Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025 đến hết thời gian thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025 *(bao gồm thời gian được kéo dài theo quy định tại các Nghị quyết của Quốc hội)*;

14. Quyết định số 500/QĐ-UBND ngày 15/7/2026 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc điều chỉnh dự toán chi thường xuyên thuộc nguồn vốn sự nghiệp thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững để tiếp tục thực hiện trong năm 2026 (*bao gồm vốn các năm trước chuyển sang);*

15. Quyết định số 143/2026/QĐ-UBND ngày 25/8/2026 của UBND tỉnh Quảng Ngãi quy định định mức kinh tế - kỹ thuật một số giống cây trồng, vật nuôi, vật tư áp dụng trong lĩnh vực nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi;

16. Quyết định số 151/2026/QĐ-UBND ngày 22/9/2026 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc phân cấp thẩm quyền phê duyệt, quản lý dự án phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị; cơ quan tiếp nhận hồ sơ, cách thức nộp hồ sưo đề nghị dự án phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi;

17. Quyết định số 1810/QĐ-UBND ngày 21/8/2026 của UBND xã Nghĩa Giang về việc phân bổ kinh phí sự nghiệp thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững để tiếp tục thực hiện trong năm 2026 (vốn năm trước chuyển sang);

18. Kế hoạch số 200/KH-UBND ngày 11/9/2026 của UBND xã Nghĩa Giang ban hành Kế hoạch thực hiện Dự án 2 - Đa dạng hoá sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững để tiếp tục thực hiện trong năm 2026 (vốn năm trước chuyển sang);

19. Thông báo số 614/TB-UBND ngày 01/10/2026 của Uỷ ban nhân dân xã Nghĩa Giang về việc Tuyển chọn đơn vị chủ trì liên kết thực hiện Dự án 2 - Đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững trên địa bàn xã Nghĩa Giang năm 2026.

20. Quyết định số 5655/QĐ-UBND ngày 12/10/2026 của Chủ tịch UBND xã Nghĩa Giang về việc Về việc thành lập Hội đồng thẩm định các dự án liên kết thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn xã Nghĩa Giang năm 2026;

21. Hồ sơ đề nghị hỗ trợ liên kết thuộc Dự án hỗ trợ phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị chăn nuôi bò cái giống lai Zebu sinh sản Dự án 2: Đa dạng hoá sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững (Nguồn vốn năm trước chuyển sang) do Công ty TNHH một thành viên Nam Thuận lập và đề xuất;

22. Căn cứ Biên bản họp Hội đồng thẩm định Dự án hỗ trợ phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị chăn nuôi bò cái giống lai Zebu sinh sản. Dự án 2: Đa dạng hoá sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững (Nguồn vốn năm trước chuyển sang).

II. THÀNH PHẦN, THỜI GIAN HỌP THẨM ĐỊNH

1. Thành phần Hội đồng thẩm định:

Chủ tịch Hội đồng và các thành viên Hội đồng tại Quyết định số 5655/QĐ-UBND ngày 12/10/2026 của Chủ tịch UBND xã Nghĩa Giang về việc Về việc thành lập Hội đồng thẩm định các dự án liên kết thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn xã Nghĩa Giang năm 2026 *(sau đây gọi tắt là Hội đồng thẩm định)* đã họp thẩm định.

Thời gian họp thẩm định: Từ 7h30 phút đến 10h 30 phút ngày 17/10/2026.

2. Địa điểm họp thẩm định: Phòng họp số 1, UBND xã Nghĩa Giang.

III. KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH:

1. Thông tin chung:

1.1. Tên Dự án: Hỗ trợ phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị chăn nuôi bò cái giống lai Zebu sinh sản. Dự án 2: Đa dạng hoá sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững (Nguồn vốn năm trước chuyển sang).

1.2. Đơn vị được giao vốn hỗ trợ phát triển sản xuất: Trung tâm Cung ứng dịch vụ công xã Nghĩa Giang *(gọi tắt là Cơ quan quản lý dự án).*

1.3. Đơn vị chủ trì dự án:

Công ty TNHH MTV Nam Thuận (gọi tắt là Công ty Nam Thuận).

- Người đại diện theo pháp luật: NGUYỄN THANH KHÁNH
- Chức vụ: Giám đốc
- Giấy đăng ký kinh doanh số 4300380409. Đăng ký lần đầu ngày 07 tháng 03 năm 2009; Đăng ký thay đổi lần 8, ngày 15 tháng 10 năm 2025.
- Địa chỉ: Số 363/11 Nguyễn Trãi, phường Nghĩa Lộ, tỉnh Quảng Ngãi.

1.4. Thành viên tham gia liên kết: 11 hộ dân thuộc đối tượng đầu tư theo quy định tại khoản 2, Điều 23, Nghị định số 358/2025/NĐ-CP ngày 31/12/2025 của Thủ tướng Chính phủ.

Cụ thể như sau:

TT	Họ và tên	Thôn	Hộ nghèo	Hộ cận nghèo	Người có công cách mạng	Đối tượng khác	Ghi chú
1	Nguyễn Văn Nhung	Xuân Phổ		x			
2	Nguyễn Thị Hồng Hảnh	An Hội Bắc 1		x			
3	Đoàn Thuận	An Hội Bắc 2		x			
4	Đặng Thị Quyên	An Hội Nam 2				x	Khó khăn
5	Nguyễn Thị Tình	Mỹ Phú		x			
6	Nguyễn Văn Cường	Mỹ Phước	x				
7	Võ Thị Mễ	Mỹ Thạnh		x			
8	Hồ Thị Kim Anh	Hòa Chánh				x	Khó khăn
9	Võ Thị Kim Anh	An Long	x				
10	Nguyễn Văn Tâm	An Sơn			x		Thương binh
11	Nguyễn Minh	An Hội Nam 1				x	Khó khăn
Tổng cộng			**02**	**05**	**01**	**03**	

(Theo Quyết định số 504/QĐ-UBND ngày 11/12/2024 của UBND xã Nghĩa Kỳ về việc Công nhận danh sách hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo, hộ thoát cận nghèo năm 2024 theo chuẩn nghèo tiếp cận đa chiều giai đoạn 2022-2025 và Quyết định số 2166/QĐ-UBND ngày 04/12/2025 của UBND xã Nghĩa Giang về việc công nhận danh sách hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát cận nghèo cuối năm 2025 trên địa bàn xã Nghĩa Giang).

1.5. Sản phẩm, quy mô, địa điểm và thời gian thực hiện liên kết:

- Sản phẩm: Bò cái sinh sản, bê lai nuôi sinh sản và nuôi thịt.
- Quy mô: 11 con bò cái sinh sản.
- Địa điểm: Tại các thôn trên địa bàn xã.
- Thời gian:

+ Thời gian thực hiện dự án: 36 tháng, từ tháng 10/2026 - 10/2029.

+ Thời gian thực hiện hợp đồng liên kết: 60 tháng, từ tháng 10/2026 - 10/2031.

2. Sự cần thiết phải thực hiện dự án liên kết:

Chăn nuôi bò cái lai sinh sản rất phù hợp với hộ nghèo, bò có khả năng tận dụng thức ăn cao, đầu tư thấp, hiệu quả chăn nuôi ổn định. Dự án có sự tham gia của doanh nghiệp, tạo điều kiện để người dân an tâm sản xuất, ổn định sinh kế, nhất

là trong bối cảnh biến đổi khí hậu gay gắt, dịch bệnh phát sinh và diễn biến phức tạp, thị trường tiêu thụ sản phẩm luôn biến động.

Để hỗ trợ người dân phát triển sản xuất, nhất là người nghèo, người yếu thế có thêm việc làm, tăng thu nhập, việc xây dựng và đề xuất dự án: Hỗ trợ phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị chăn nuôi bò cái lai sinh sản - Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững trên địa bàn xã Nghĩa Giang là rất cần thiết, phù hợp với thực tiễn sản xuất, nhằm tổ chức lại hệ thống sản xuất, tiêu thụ sản phẩm bền vững, từng bước hình thành và phát triển nghề chăn nuôi bò thâm canh hàng hóa tại địa phương.

3. Mục tiêu của dự án:

a) Mục tiêu chung:

Hỗ trợ đa dạng hóa sinh kế, xây dựng, phát triển và nhân rộng các mô hình, dự án giảm nghèo hỗ trợ phát triển sản xuất nhằm tạo việc làm, sinh kế bền vững, thu nhập tốt, nâng cao chất lượng cuộc sống và thích ứng với biến đổi khí hậu, dịch bệnh cho người nghèo; góp phần thực hiện mục tiêu chuyển dịch cơ cấu kinh tế gắn với bảo vệ môi trường, tăng trưởng kinh tế và giảm nghèo bền vững.

b) Mục tiêu cụ thể:

- Hình thành chuỗi giá trị liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm quy mô 11 con bò cái lai Zebu sinh sản, tạo điều kiện để nông dân an tâm phát triển sản xuất.

- Giải quyết việc làm và tăng thêm thu nhập cho 11 hộ thành viên, bình quân khoảng 7 triệu đồng/năm/hộ.

- Kết thúc dự án, dự kiến trên 50% (trên 05 hộ) thành viên tham gia liên kết vươn lên thoát nghèo theo chuẩn mới, nâng cao chất lượng cuộc sống.

4. Cơ cấu nguồn vốn: 579.926.000 đồng; trong đó:

- Ngân sách nhà nước: 277.000.000 đồng, chiếm 47,76%.
- Hộ nông dân tham gia liên kết: 283.800.000 đồng, chiếm 48,94%.
- Chủ trì dự án liên kết: 19.126.000 đồng, chiếm 3,30%.

5. Dự kiến kết quả đầu ra, hiệu quả thực hiện dự án liên kết:

5.1. Dự kiến kết quả đầu ra:

Bê lai sinh ra trong kỳ dự án 34 con; cụ thể như sau :

- Năm 2026 : Chưa có sản phẩm.
- Năm 2027 : 6 bê lai (tỷ lệ đẻ 50%).
- Năm 2028 : 8 bê lai (tỷ lệ đẻ 70%).
- Năm 2029 : 10 bê lai (tỷ lệ đẻ 90 %).
- Năm 2030 : 10 bê lai (tỷ lệ đẻ 90 %).

5.2. Hiệu quả thực hiện dự án:

a) Hiệu quả kinh tế:

- Chi phí chăn nuôi: 545.600.000 đồng.
- Giá trị thu được: 840.000.000 đồng.
- Lợi nhuận: 294.400.000 đồng

+ Bình quân/hộ (không tính công lao động): 34.364.000 đồng.

+ Bình quân/hộ (trừ chi phí công lao động): 26.764.000 đồng.

b) Hiệu quả xã hội:

- Hình thành chuỗi giá trị liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm quy mô 11 con bò cái lai Zebu sinh sản, tạo điều kiện để nông dân an tâm phát triển sản xuất.

- Giải quyết việc làm và tăng thêm thu nhập cho 11 hộ thành viên, bình quân khoảng 7 triệu đồng/năm/hộ.

- Thay đổi nhận thức về nghèo đói, cố gắng trong sản xuất, phấn đấu vươn lên thoát nghèo.

- Kết thúc dự án, dự kiến trên 50 % (trên 05 hộ) thành viên tham gia liên kết vươn lên thoát nghèo theo chuẩn mới, nâng cao chất lượng cuộc sống.

6. Các nội dung đề nghị hỗ trợ và đóng góp của thành viên:

6.1. Nội dung, kinh phí đề nghị hỗ trợ từ ngân sách nhà nước:

a) Kinh phí: **277.000.000 đồng**; chi tiết như sau:

TT	Nội dung đề nghị hỗ trợ	Kinh phí hỗ trợ (đồng)	Thời gian thực hiện	Đơn vị thực hiện
1	Giống bò cái lai Zebu	272.800.000	Tháng 11/2026	Chủ dự án
2	Đá liếm dinh dưỡng	900.000		
3	Xây dựng, quản lý dự án	3.300.000		Đơn vị quản lý dự án
	Chứng thư thẩm định giá	*3.300.000*	Tháng 10/2026	
Tổng cộng		**277.000.000**		

b) Nguồn kinh phí: Theo Quyết định số 1810/QĐ-UBND ngày 21/8/2026 của Chủ tịch UBND xã Nghĩa Giang.

6.2. Nội dung, kinh phí đóng góp của thành viên tham gia dự án:

a) Người chăn nuôi: **283.800.000 đồng**; chi tiết như sau:

TT	Nội dung thực hiện	Kinh phí (đồng)	Thời gian Thực hiện	Đơn vị thực hiện
1	Chuồng trại chăn nuôi	55.000.000	Tháng 10/2026	
2	Thức ăn tinh hỗn hợp	89.100.000	Trong kỳ dự án	Người dân tham gia dự án liên kết
3	Thức ăn xanh	74.250.000		
4	Vắc xin các loại	2.090.000		
5	Thuốc sát trùng	660.000		
6	Nội, ngoại ký sinh trùng	1.100.000		
7	Phối giống	8.800.000		
8	Công lao động	52.800.000		
Tổng cộng		**283.800.000**		

b) Chủ trì dự án (Công ty Nam Thuận): **19.126.000 *đồng;*** chi tiết:

TT	Nội dung thực hiện	Kinh phí (đồng)	Thời gian Thực hiện	Ghi chú
1	Xây dựng dự án liên kết	4.376.000		
2	Tập huấn, chuyển giao, sơ kết	14.660.000	Trong kỳ dự án	
3	Đá liếm dinh dưỡng	90.000		
Tổng cộng		**19.126.000**		

7. Phương án mua sắm và cung cấp dịch vụ đầu vào:

7.1. Phương án và đầu mối mua sắm giống, vật tư từ ngân sách nhà nước hỗ trợ:

a) Chủ trì dự án liên kết (Công ty TNHH MTV Nam Thuận):

- Là đầu mối cung ứng vật tư, con giống và dịch vụ đầu vào theo Quyết định phê duyệt của cấp có thẩm quyền và hợp đồng đã ký kết giữa Trung tâm Cung ứng dịch vụ côngvới chủ trì dự án và bàn giao hồ sơ chứng từ liên quan trong việc thực hiện dự án cho Trung tâm Cung ứng dịch vụ công lưu giữ, thanh quyết toán theo quy định.

- Giống, vật tư phải đảm bảo quy định của pháp luật hiện hành. Đặc biệt, đối với con giống vật nuôi phải đáp ứng đầy đủ các quy định của Luật Chăn nuôi, Luật Thú y và các quy định khác có liên quan.

b) Trung tâm Cung ứng dịch vụ công:

Thanh toán kinh phí cho Chủ trì dự án theo tiến độ thực hiện trên cơ sở kết quả nghiệm thu khối lượng hoàn thành của dự án và hồ sơ, chứng từ thanh toán đúng quy định hiện hành của nhà nước.

7.2. Phương án và đầu mối mua sắm từ vốn đóng góp của thành viên tham gia dự án:

a) Nông dân tham gia dự án:

Tự thực hiện mua sắm và triển khai các nội dung công việc thuộc phạm vi trách nhiệm và nguồn kinh phí của mình theo định mức được cấp có thẩm quyền phê duyệt để thực hiện dự án.

b) Chủ trì dự án:

Tự thực hiện mua sắm và triển khai các nội dung công việc thuộc phạm vi trách nhiệm và nguồn kinh phí của mình theo định mức được cấp có thẩm quyền phê duyệt để thực hiện dự án. Thực hiện lưu giữ hồ sơ chứng từ liên quan theo quy định.

8. Giải pháp tổ chức thực hiện dự án:

8.1. Về chọn hộ:

- Đối tượng tham gia dự án phải đảm bảo quy định tại khoản 2, Điều 23, Nghị định số 358/2025/NĐ-CP ngày 31/12/2025 của Chính phủ về quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia.

- Tổ chức họp dân, thông tin rộng rãi về mục đích, ý nghĩa, đối tượng hưởng thụ để người dân biết, chủ động đăng ký tham gia và bình xét công khai.

- Hộ dân tham gia dự án phải đảm bảo về sức khoẻ, còn sức lao động, có khả năng đầu tư, áp dụng tốt quy trình chăn nuôi theo chuỗi giá trị.

8.2. Về thông tin và chuyển giao:

- Sau khi có quyết định phê duyệt của cấp có thẩm quyền, Chủ trì dự án phối hợp với các đơn vị có liên quan thông báo dự án đến các thành viên dự án.

- Công khai minh bạch các nội dung hoạt động, định mức và kinh phí thực hiện dự án; trách nhiệm, quyền lợi và nghĩa vụ của các bên tham gia liên kết.

- Tập huấn quy trình kỹ thuật chăn nuôi và quản lý chất lượng đồng bộ và thị trường, ghi chép sổ sách và hạch toán chi phi chăn nuôi.

- Cung cấp giống, vật tư và dịch vụ đầu vào; hướng dẫn kỹ thuật chăm sóc nuôi dưỡng và phòng trừ dịch bệnh cho bò.

8.3. Về tổ chức thực hiện:

a) Trung tâm Cung ứng dịch vụ công (Đơn vị quản lý dự án):

- Phối hợp với chủ trì dự án thông báo công khai dự án được phê duyệt đến các thôn và thành viên tham gia dự án.

- Ký hợp đồng thực hiện liên kết với Chủ trì dự án; giám sát, thanh toán, giải ngân vốn dựa trên kết quả khối lượng nghiệm thu hoàn thành.

- Theo dõi, kiểm tra và kịp thời chỉ đạo, hỗ trợ các đơn vị có liên quan triển khai thực hiện dự án đạt hiệu quả cao nhất.

b) Trưởng thôn:

- Chịu trách nhiệm trước Chủ tịch UBND xã về tính xác thực, khách quan trong việc tổ chức họp dân, chọn hộ và triển khai dự án tại thôn.

- Theo dõi, hỗ trợ hộ chăn nuôi tham gia liên kết thực hiện dự án đúng quy định và đạt hiệu quả cao nhất.

- Phối hợp với đơn vị quản lý dự án kiểm tra, giám sát hoạt động đầu tư, sản xuất và tiêu thụ sản phẩm của dự án theo quy định.

- Phản ảnh kịp thời những phát sinh gây ảnh hưởng đến hoạt động của dự án trong phạm vị quản lý.

- Định kỳ hoặc đột xuất phối hợp với Chủ trì dự án báo cáo kết quả thực hiện dự án cho cấp trên theo quy định.

c) Các thành viên tham gia liên kết:

- Thực hiện nghiêm túc, đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình như đã cam kết trong hợp đồng liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm.

- Mọi vấn đề phát sinh trong quá trình thực hiện dự án phải báo cáo cho Trung tâm Cung ứng dịch vụ côngxã để được xem xét giải quyết.

d) Chủ trì dự án liên kết:

- Phối hợp với các thôn khảo sát, xây dựng dự án liên kết, trình thẩm định và phê duyệt theo quy định.

- Cung ứng giống, vật tư và dịch vụ đầu vào từ kinh phí ngân sách hỗ trợ

theo nội dung, kinh phí và định mức được duyệt để phục vụ sản xuất.

- Ký hợp đồng với hộ chăn nuôi để thu mua sản phẩm. Thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo hợp đồng đã ký kết.

- Tập huấn quy trình kỹ thuật chăn nuôi và quản lý chất lượng đồng bộ và thị trường, ghi chép sổ sách và hạch toán chi phi chăn nuôi.

- Xây dựng cơ sở dữ liệu quản lý, theo dõi tình hình chăn nuôi, sinh trưởng, sinh sản của đàn bò và lập kế hoạch thu mua sản phẩm của liên kết.

9. Tiến độ thực hiện:

TT	Nội dung công việc chính	Sản phẩm phải đạt	Thời gian thực hiện	Đơn vị thực hiện
1	Xây dựng, đề xuất dự án	Hồ sơ	Tháng 10/2026	Chủ trì dự án
2	Trình thẩm định và phê duyệt	Quyết định phê duyệt	Tháng 10/2026	Cơ quan quản lý dự án
3	Ký kết hợp đồng thực hiện dự án	Hợp đồng	Tháng 11/2026	Cơ quan quản lý dự án, Chủ trì dự án
4	Tập huấn, chuyển giao		2026-2027	Chủ trì dự án
5	Hỗ trợ giống, vật tư	Theo QĐ phê duyệt	Tháng 11/2026	Cơ quan quản lý dự án, Chủ trì dự án
6	Hội nghị sơ kết	Hội nghị	Năm 2028	Chủ trì dự án, các hộ tham gia
7	Tư vấn, hỗ trợ kỹ thuật	Dự án	Cả kỳ dự án	Chủ trì dự án
8	Tiếp tục thực hiện hợp đồng liên kết	Hợp đồng	Đến tháng 10/2031	Chủ trì dự án, các hộ tham gia

10. Các nội dung cam kết và trách nhiệm trong thực hiện dự án:

10.1. Chủ trì dự án:

10.1.1. Cam kết bảo hành bò giống:

a) Trong thời gian 30 ngày kể từ ngày giao nhận bò, nếu bị tổn thất (do dịch bệnh, chết,...), chủ trì dự án phải cử nhân viên kỹ thuật can thiệp xử lý, điều trị và chi trả toàn bộ chi phí điều trị. Nếu điều trị không khỏi bệnh, chủ trì dự án phải đổi bò giống khác cho người chăn nuôi; bò giống sau khi đổi phải đảm bảo chất lượng theo quyết định phê duyệt của cấp có thẩm quyền.

b) Trong thời gian thực hiện dự án:

- Bò sinh trưởng phát triển tốt, khối lượng cơ thể tăng lên nhưng không lên giống hoặc lên giống nhưng phối giống 03 lần không có chửa, chủ trì dự án có trách nhiệm đổi bò giống khác người chăn nuôi; bò giống sau khi đổi phải đảm bảo chất lượng, giá trị tương đương hoặc lớn hơn bò trước khi đổi.

- Bò bị tổn thất do điều kiện chăn nuôi không đảm bảo, chủ hộ chăm sóc nuôi dưỡng kém, trượt ngã gãy chân hoặc do tác động của ngoại cảnh,..., chủ trì dự án có trách nhiệm kiểm tra, đánh giá mức độ thiệt hại để có biện pháp khắc phục phù hợp, không làm ảnh hưởng đến kết quả thực hiện dự án.

10.1.2. Tư vấn hỗ trợ kỹ thuật và tiêu thụ sản phẩm:

- Cử nhân viên kỹ thuật định kỳ kiểm tra, cập nhật thông tin tình hình chăn nuôi; kịp thời tư vấn, hỗ trợ kỹ thuật chăm sóc nuôi dưỡng, phòng trừ dịch bệnh và phối giống bò,... để hộ thành viên thực hiện dự án đạt kết quả cao nhất.

- Cam kết thu mua toàn bộ sản phẩm liên kết theo giá thỏa thuận trong hợp đồng liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm, đảm bảo người chăn nuôi có thu nhập.

10.1.3. Thực hiện hợp đồng và vốn đối ứng:

- Thực hiện nghiêm túc, đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình như đã cam kết trong hợp đồng liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm.

- Giống, vật tư có nguồn gốc, xuất xứ rõ ràng, đảm bảo chất lượng theo quy định của pháp luật hiện hành.

- Bố trí đầy đủ vốn đối ứng để thực hiện các nội dung công việc thuộc trách nhiệm của mình theo quyết định phê duyệt dự án.

10.2. Người chăn nuôi tham gia dự án liên kết:

- Cam kết thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình như đã cam kết tại đơn đăng ký; áp dụng kỹ thuật chăn nuôi theo hướng dẫn kỹ thuật.

- Đóng góp kinh phí để làm chuồng, mua vật tư (ngoài kinh phí hỗ trợ của nhà nước) theo nội dung và định mức được duyệt để phục vụ sản xuất đạt hiệu quả cao nhất.

- Trong thời gian thực hiện dự án không tự ý trao đổi/mua bán bò giống cho người khác. Nếu vi phạm bị thu hồi lại 100% vốn đầu tư hoặc buộc phải mua lại bò giống hoàn trả lại cho dự án.

- Mọi vấn đề phát sinh trong quá trình thực hiện dự án phải báo cáo cho Trung tâm Cung ứng dịch vụ công, Chủ trì dự án để được xem xét giải quyết.

11. Xử lý tranh chấp, vi phạm khi thực hiện hợp đồng và dự án liên kết:

11.1. Các bên tham gia liên kết không thực hiện đúng, đầy đủ các cam kết và trách nhiệm (trừ các trường hợp bất khả kháng do thiên tai, dịch bệnh):

- Không được hưởng các khoản ưu đãi, hỗ trợ của Nhà nước, bị xử lý theo quy định của pháp luật hiện hành và buộc phải bồi thường cho bên bị thiệt hại;

- Không được tham gia, không được hưởng các chính sách khuyến khích của Nhà nước về liên kết trong thời gian 05 năm kể từ thời điểm vi phạm.

11.2. Các bên tham gia liên kết vi phạm các quy định trong hợp đồng liên kết bị xử lý theo các hình thức sau:

- Buộc thực hiện đúng hợp đồng liên kết;

- Phạt vi phạm hợp đồng liên kết;

- Tạm ngừng thực hiện hợp đồng liên kết;

- Đình chỉ thực hiện hợp đồng liên kết;

- Hủy bỏ hợp đồng liên kết;

- Buộc bồi thường thiệt hại cho các bên liên quan;

- Các biện pháp khác do các bên tham gia liên kết thỏa thuận không trái với quy định pháp luật hiện hành.

11.3. Hình thức xử lý các tranh chấp hợp đồng liên kết: Nhà nước khuyến khích các hình thức giải quyết tranh chấp của các bên tham gia liên kết bằng hình thức thương lượng và hòa giải. Trường hợp không thống nhất được thì giải quyết thông qua trọng tài thương mại hoặc giải quyết tại tòa án.

IV. KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ:

1. Kết luận:

- Dự án hỗ trợ phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị chăn nuôi bò cái giống lai Zebu sinh sản (Dự án 2). Đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững (Nguồn vốn năm trước chuyển sang) do Công ty Nam Thuận đề xuất đảm bảo trình tự, nội dung theo quy định.

- Kết quả biểu quyết: 09/09 thành viên Hội đồng thẩm định đồng ý thông qua, đạt tỷ lệ 100%.

2. Kiến nghị:

Trên cơ sở đề xuất của Hội đồng thẩm định kính đề nghị Chủ tịch UBND xã xem xét phê duyệt Dự án hỗ trợ phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị chăn nuôi bò cái giống lai Zebu sinh sản (Dự án 2). Đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững (Nguồn vốn năm trước chuyển sang) làm cơ sở thực hiện các bước tiếp theo./.

Nơi nhận:
- UBND xã;
- Thành viên Hội đồng theo Quyết định số 5655/QĐ-UBND ngày 12/10/2026;
- Các phòng: VP HĐND và UBND; Phòng Kinh tế; Phòng VH-XH;
- Trung tâm Cung ứng Dịch vụ công;
- Các thôn trên địa bàn xã;
- Lưu: VT, KT.

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG THẨM ĐỊNH

U.B.N.D XÃ NGHĨA GIANG T. QUẢNG NGÃI

PHÓ CHỦ TỊCH UBND XÃ
Cao Thanh Tuyên